

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28-10-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Nga

Ông Nguyễn Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Hải Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 803/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc T; nơi cư trú: Số 21 tổ 2 (nay là tổ 1) khu T, phường K, quận L, thành phố H;

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Lan H; nơi cư trú: Số 21 tổ 2 (nay là tổ 1) khu T, phường K, quận L, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 29 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Ông Nguyễn Quốc T và bà Trần Thị Lan H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1995, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng vào ngày 22/3/1996. Đến nay vợ chồng có 02 con chung.

Quá trình chung sống: Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách, không tìm được tiếng nói chung, không khí gia đình trở nên căng thẳng. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, cuộc sống không còn hạnh phúc. Từ tháng 7/2020 đến nay vợ chồng sống ly thân dù vẫn chung sống một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Nay ông T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 22/3/1997 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 19/8/2000. Các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu của bà H về việc chia cho bà khoản tiền công sức đóng góp xây dựng căn nhà 21 tổ 2 khu T, phường K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) thì ông cũng đồng ý. Tuy nhiên thời gian và pH thức giao tiền hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai và biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà H đã trình bày quan điểm như sau:

Bà H nhất trí với trình bày của ông T về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và con chung. Bà cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông T. Các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nhưng có công sức xây dựng căn nhà tại số 21 tổ 2 khu T, phường K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Nay vợ chồng ly hôn, bà đề nghị ông T có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Tại biên bản làm việc với gia đình ông T, cụ Lê Thị K là mẹ đẻ ông T cũng thừa nhận bà H có công sức đóng góp xây dựng ngôi nhà tại số 21 tổ 2 khu T, phường K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và nhất trí với ông T về việc sẽ thanh toán cho bà H khoản tiền 300.000.000đ.

Tòa án đã ra Thông báo đối với bà H về việc thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí chia tài sản chung nhưng bà H không thực hiện. Tại phiên tòa, bà H vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án buộc ông T thanh toán cho bà số tiền 300.000.000 đồng công sức xây dựng nhà. Ông T đồng ý nhưng hai bên sẽ tự thỏa thuận giải

quyết.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục về pháp luật tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Quốc T và bà Trần Thị Lan H kết hôn từ năm 1995 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng vào ngày 22/3/1996 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho ông T ly hôn bà H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 22/3/1997 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 19/8/2000. Các con đã thành niên nên không xét.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa, bà H có yêu cầu ông T trả công sức đóng góp xây dựng ngôi nhà tại số 21 tổ 2 khu T, phường K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án, bà H không thực hiện nghĩa vụ nộp án phí chia tài sản chung nên được coi là từ bỏ yêu cầu chia tài sản chung. Do vậy không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên bà H có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung tại Tòa án.

Về án phí: Ông Nguyễn Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo đơn khởi kiện, trình bày của đương sự thể hiện: Bà Trần Thị Lan H có nơi cư trú tại số 21 tổ 2 (nay là tổ 1) khu T, phường K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc T và bà Trần Thị Lan H kết hôn với nhau từ năm 1995 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng vào ngày 22/3/1996 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

[3] Quá trình chung sống: Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 7/2020 đến nay hai bên đã sống ly thân. Dù vẫn chung sống một nhà nhưng không ai quan tâm trách nhiệm với ai. Quá trình giải quyết vụ án, bà H cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ. Do vậy, ông T yêu cầu được ly hôn bà H là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Quốc T và bà Trần Thị Lan H có 02 con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 22/3/1997 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 19/8/2000 đều đã thành niên nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn là bà Trần Thị Lan H trình bày bà có công sức đóng góp xây dựng căn nhà tại số 21 tổ 2 khu T, phường K, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và yêu cầu ông T thanh toán cho bà số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Tòa án đã yêu cầu bà H cung cấp các tài liệu, chứng cứ hoặc bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng để chứng minh cho yêu cầu của mình có căn cứ và hợp pháp, đồng thời yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu về tài sản chung vợ chồng nhưng bà H đều không thực hiện. Do vậy, không có cơ sở xem xét yêu cầu về tài sản chung. Tuy vậy, bà H có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Quốc T được ly hôn bà Trần Thị Lan H.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Quốc T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông T đã nộp đủ số tiền án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014470 ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND p. Máy Tơ, q. Ngô Quyền, tp. Hải Phòng (số 26 ngày 22/3/1996);
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thùy Linh